

CÔNG TY CỔ PHẦN COMA 18

*Báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
đã được soát xét*

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 –04
BÁO CÁO SOÁT XÉT	05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán	06-08
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần COMA 18 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2011 đến 30/06/2011.

Công ty

Công ty Cổ phần COMA 18 là Công ty cổ phần được chuyển đổi sở hữu từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2102/QĐ-BXD ngày 11/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty là thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 21 tháng 12 năm 2005.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500236860 (chuyển từ đăng ký kinh doanh số 0103009750) do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/12/2005 thay đổi lần thứ 8 ngày 15/12/2010, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản và dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- Đào tạo dạy nghề: điện, điện tử, tin học; Đào tạo đại học (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Khai thác và kinh doanh khoáng sản (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Xử lý chất thải (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh xăng dầu;
- Khai thác, kinh doanh nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt;
- Kinh doanh vận tải đường bộ;
- Loại công trình: dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng, hoàn thiện;
- Loại công trình: Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; lĩnh vực chuyên môn giám sát: lắp thiết bị công trình, xây dựng, hoàn thiện;
- Giám sát thi công xây dựng;
- Tư vấn đầu tư, quản lý, thực hiện các dự án xây dựng (chỉ thiết kế và giám sát trong phạm vi các thiết kế và giám sát đã đăng ký kinh doanh);
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh thương mại chỉ gồm có các ngành nghề sau: nguyên vật liệu phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp; nguyên phụ liệu, phục vụ mạ kẽm nhúng nóng; máy móc thiết bị công nghiệp, máy động lực, máy thi công; các dây chuyền sản xuất công nghiệp;
- Đào tạo nghề cơ khí, lái xe;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống; Kinh doanh dịch vụ du lịch như: kinh doanh du lịch lữ hành, hướng dẫn du lịch, kinh doanh các khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Lắp ráp sửa chữa ô tô các loại;

CÔNG TY CỔ PHẦN COMA 18

Địa chỉ: Km10, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

- Lắp đặt máy móc thiết bị và chuyển giao công nghệ cơ khí động lực, điện lực và điện tử;
- Chế tạo, lắp đặt các thiết bị nâng hạ, cột Viba;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị và công nghệ;
- Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Thi công xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, bến cảng, công trình kiến trúc hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị, các công trình đường dây điện, trạm biến áp điện;
- Tư vấn thiết kế quy hoạch tổng thể mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, chế tạo cơ khí, thiết bị vật liệu và phụ kiện, gia công cấu kiện bê tông phục vụ các ngành điện, xây dựng và công nghiệp khác./.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500236860 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty tại thời điểm lập báo cáo này gồm có :

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông : Lê Huy Lâm	Chủ tịch
Ông : Trần Như Hưng	Ủy viên
Ông : Nguyễn Đức Thành	Ủy viên
Ông : Nguyễn Xuân Tiệp	Ủy viên
Bà : Phạm Thị Hiền	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông : Lê Huy Lâm	Tổng Giám đốc
Ông : Ngô Quang Học	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Lê Thiết Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN COMA 18

Địa chỉ: Km10, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà : Lê Thị Thanh	Trưởng ban
Ông : Nguyễn Đức Thăng	Thành viên
Bà : Nguyễn Thị Phương Anh	Thành viên

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính bán niên năm 2011 của Công ty Công ty Cổ phần COMA 18 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA). Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2011 đến 30/06/2011. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/01/2011 đến 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc

Lê Huy Lân

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2011

Số : /BCKT/TC/NV7

BÁO CÁO SOÁT XÉT

**Về Báo cáo Tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
của Công ty Cổ phần COMA 18**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị,
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần COMA 18**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần COMA 18 được lập ngày 20 tháng 07 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giai đoạn từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 và Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2011 được trình bày từ trang 06 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và các thủ tục phân tích đối với các thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần COMA 18 tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn từ 01/01/2011 đến 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyễn Bảo Trung

Phó giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0373/KTV

Bùi Thiện Tá

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0592/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)

Hà Nội, Ngày 29 tháng 07 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần COMA 18 là Công ty cổ phần được chuyển đổi sở hữu từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2102/QĐ-BXD ngày 11/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty là thành viên của Tổng Công ty Cơ khí xây dựng chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 21 tháng 12 năm 2005.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500236860 (chuyển từ đăng ký kinh doanh số 0103009750) do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/12/2005 thay đổi lần thứ 8 ngày 15/12/2010, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km10, đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 043 33544667

Fax: 043 33544667

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500236860 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản và dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- Đào tạo dạy nghề: điện, điện tử, tin học; Đào tạo đại học (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Khai thác và kinh doanh khoáng sản (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Xử lý chất thải (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh xăng dầu;
- Khai thác, kinh doanh nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt;
- Kinh doanh vận tải đường bộ;
- Loại công trình: dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng, hoàn thiện;
- Loại công trình: Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp: lĩnh vực chuyên môn giám sát: lắp thiết bị công trình, xây dựng, hoàn thiện;
- Giám sát thi công xây dựng;
- Tư vấn đầu tư, quản lý, thực hiện các dự án xây dựng (chỉ thiết kế và giám sát trong phạm vi các thiết kế và giám sát đã đăng ký kinh doanh);

- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh thương mại chỉ gồm có các ngành nghề sau: nguyên vật liệu phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp; nguyên phụ liệu, phục vụ mạ kẽm nhúng nóng; máy móc thiết bị công nghiệp, máy động lực, máy thi công; các dây chuyền sản xuất công nghiệp;
- Đào tạo nghề cơ khí, lái xe;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống; Kinh doanh dịch vụ du lịch như: kinh doanh du lịch lữ hành, hướng dẫn du lịch, kinh doanh các khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Lắp ráp sửa chữa ô tô các loại;
- Lắp đặt máy móc thiết bị và chuyển giao công nghệ cơ khí động lực, điện lực và điện tử;
- Chế tạo, lắp đặt các thiết bị nâng hạ, cột Viba;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị và công nghệ;
- Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Thi công xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, bến cảng, công trình kiến trúc hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị, các công trình đường dây điện, trạm biến áp điện;
- Tư vấn thiết kế quy hoạch tổng thể mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, chế tạo cơ khí, thiết bị vật liệu và phụ kiện, gia công cấu kiện bê tông phục vụ các ngành điện, xây dựng và công nghiệp khác./.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh đối với các công trình thi công xây dựng, phương pháp bình quân đối với vật tư.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao đang được Công ty xác định theo thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của bộ Tài chính, cụ thể như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính năm hoặc tại ngày kết thúc năm tài chính giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản hoặc chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các Quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BCĐKT VÀ BÁO CÁO KQHĐKD

Đơn vị tính: VND

1 . Tiền

	30/06/2011	01/01/2011
Tiền mặt tại quỹ	869,692,100	439,244,213
Tiền gửi ngân hàng	773,622,918	20,618,734,353
Các khoản tương đương tiền	10,000,000,000	-
Cộng	11,643,315,018	21,057,978,566

2 . Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2011	01/01/2011
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	-	7,700,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	-	7,700,000,000

(*)Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

3 . Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
Phải thu khác	16,760,042,520	17,048,896,411
Phải thu người lao động	-	-
Phải trả, phải nộp khác	-	-
Cộng	16,760,042,520	17,048,896,411

4 . Dự phòng ngắn hạn phải thu khó đòi

	30/06/2011	01/01/2011
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1,756,501,854)	(1,775,591,075)
	(1,756,501,854)	(1,775,591,075)

5 . Hàng tồn kho

	30/06/2011	01/01/2011
Hàng mua đang đi đường	-	146,497,000
Nguyên liệu, vật liệu	3,771,441,574	4,431,408,050
Công cụ, dụng cụ	443,429,266	335,397,972
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	124,182,364,249	113,418,969,859
Thành phẩm	633,108,942	933,379,671
Hàng hóa	294,013,848	539,532,767
Hàng gửi đi bán	-	19,040,216
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	129,324,357,879	119,824,225,535
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	129,324,357,879	119,824,225,535

6 . Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
Tạm ứng	25,372,357,621	19,539,004,697
Chi phí trả trước ngắn hạn	553,613,614	477,098,473
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	5,000,000	5,000,000
Cộng	25,930,971,235	20,021,103,170

7 . Phải thu dài hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
Ký quỹ, ký cược dài hạn	4,740,000,000	4,740,000,000
Cộng	4,740,000,000	4,740,000,000

8 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ					
1. Số dư đầu kỳ	9,422,566,695	15,226,265,856	6,992,124,196	785,410,117	32,426,366,864
2. Số tăng trong kỳ	-	574,609,091	-	179,531,819	754,140,910
- Mua sắm mới	-	574,609,091	-	179,531,819	754,140,910
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	9,990,909	9,990,909
- Thanh lý	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	9,990,909	9,990,909
4. Số dư cuối kỳ	9,422,566,695	15,800,874,947	6,992,124,196	954,951,027	33,170,516,865
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu kỳ	3,986,403,035	6,997,322,956	3,362,301,568	600,074,629	14,946,102,188
2. Khấu hao trong kỳ	213,320,651	707,985,826	357,063,041	30,837,445	1,309,206,963
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	4,199,723,686	7,705,308,782	3,719,364,609	630,912,074	16,255,309,151
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày 01/01/2011	5,436,163,660	8,228,942,900	3,629,822,628	185,335,488	17,480,264,676
2. Tại ngày 30/06/2011	5,222,843,009	8,095,566,165	3,272,759,587	324,038,953	16,915,207,714
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố vay vốn					1,071,549,778
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng					1,945,305,475

9 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ					
1. Số dư đầu kỳ	-	675,000,000	-	-	675,000,000
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	675,000,000	-	-	675,000,000
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu kỳ	-	337,500,000	-	-	337,500,000
2. Khấu hao trong kỳ	-	33,750,000	-	-	33,750,000
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	371,250,000	-	-	371,250,000
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu kỳ	-	337,500,000	-	-	337,500,000

2. Tại ngày cuối kỳ	-	303,750,000	-	-	303,750,000
---------------------	---	-------------	---	---	--------------------

10 . Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2011	01/01/2011
Mua sắm TSCĐ	-	-
Chi phí XDDB dở dang	11,222,829,915	9,987,844,149
- <i>Xưởng duy tu máy móc, thiết bị</i>	<i>11,222,829,915</i>	<i>9,987,844,149</i>
- <i>Các công trình khác</i>		
Cộng	11,222,829,915	9,987,844,149

11 . Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2011	01/01/2011
- Giá trị CCDC đã xuất dùng chưa phân bổ	152,718,819	314,133,928
- Tiền thuê đất 50 năm tại Bích Hòa	789,553,141	824,123,641
- Chi phí khác	3,089,899,030	3,448,409,417
	4,032,170,990	4,586,666,986

12 . Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2011	01/01/2011
Vay ngắn hạn		
- <i>Vay CN Ngân hàng NN & PTNT Hà Tây</i>	<i>1,161,799</i>	<i>1,161,799</i>
- <i>Vay CN Ngân hàng Công thương Cầu Giấy</i>	<i>18,224,299,370</i>	<i>9,827,528,511</i>
- <i>Vay các đối tượng khác (Cá nhân)</i>	<i>16,701,962,102</i>	<i>16,834,902,200</i>
Cộng	34,927,423,271	26,663,592,510

13 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2011	01/01/2011
Thuế giá trị gia tăng	12,701,537,835	15,095,689,505
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8,460,851,413	9,124,383,642
Thuế thu nhập cá nhân	102,205,893	90,096,193
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	118,024,946	499,042,053
Cộng	21,382,620,087	24,809,211,393

14 . Chi phí phải trả

	30/06/2011	01/01/2011
Trích trước chi phí các công trình	1,286,398,540	11,884,562,839
Trích trước quỹ duy tu bảo dưỡng nhà La Khê	1,342,884,150	1,342,884,150
Cộng	2,629,282,690	13,227,446,989

15 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN COMA 18

Địa chỉ: Km10, đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

	30/06/2011	01/01/2011
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	554,272,130	284,917,670
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17,385,631,662	18,757,682,665
Cộng	17,939,903,792	19,042,600,335

16 . Vay và nợ dài hạn

	30/06/2011	01/01/2011
Vay dài hạn	195,806,383,166	115,076,220,938
<i>Vay Tổng công ty Tài chính dầu khí VN - CN Thăng Long (*)</i>	<i>195,052,383,166</i>	<i>114,088,820,938</i>
<i>Vay NH TMCP Phát triển Nhà TPHCM -TP HCM</i>	<i>754,000,000</i>	<i>987,400,000</i>
Vay đối tượng khác	-	-
Cộng	195,806,383,166	115,076,220,938

(*) Hợp đồng tín dụng số 20/HĐTD-DH/180609 PVFCTL-COMA18 ngày 18/06/2009 (thực hiện dự án Tòa nhà cao cấp Westa - Văn Mô - Hà Đông). Lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng 3%/năm với các điều kiện quy định chi tiết theo hợp đồng và được điều chỉnh 03 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

17 . Vốn chủ sở hữu**a/ Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (Xem phụ lục số 01)****b/ Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2011	Tỷ lệ	01/01/2011	Tỷ lệ
Vốn góp của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	61,200,000,000	51%	61,200,000,000	51%
Vốn góp của các đối tượng khác	58,800,000,000	49%	58,800,000,000	49%
Cộng	120,000,000,000	100%	120,000,000,000	100%

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
- Vốn góp đầu năm	120,000,000,000	60,000,000,000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	120,000,000,000	60,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)		
<i>Cổ tức năm 2010</i>	<i>14,400,000,000</i>	

(*) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 148/2011/NQ-ĐHĐCĐTN COMA18 ngày 02/04/2011, Công ty công bố việc chi trả cổ tức năm 2010 là 12%/năm

d/ Cổ phiếu

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	12,000,000	6,000,000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	12,000,000	6,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN COMA 18

Địa chỉ: Km10, đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

- Cổ phiếu thường	12,000,000	6,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12,000,000	6,000,000
- Cổ phiếu thường	12,000,000	6,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/cổ phiếu

18 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
Doanh thu hợp đồng xây dựng	42,781,039,454	35,916,504,987
Cộng	42,781,039,454	35,916,504,987

19 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	42,781,039,454	35,916,504,987
Cộng	42,781,039,454	35,916,504,987

20 . Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
Giá vốn hợp đồng xây dựng	31,880,778,584	27,705,494,371
Cộng	31,880,778,584	27,705,494,371

21 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	659,748,994	374,548,181
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi bán ngoại tệ	-	-
Lãi bán hàng trả chậm	-	-
Doanh thu tài chính khác	-	-
Cộng	659,748,994	374,548,181

22 . Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
Lãi tiền vay	1,796,585,284	2,007,164,084
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
Lỗ do bán ngoại tệ	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	1,796,585,284	2,007,164,084

23 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
Tổng lợi nhuận kế toán theo báo cáo	4,541,122,853	(990,966,864)
Thuế TNDN theo thuế suất bình thường 25%	1,135,280,713	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1,135,280,713	-

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính bán niên kết thúc ngày 30/06/2011

Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty và có biên bản kiểm toán vào ngày 30/09/2009 (theo đó Tổng tài sản và Tổng nguồn vốn tăng 1,85 tỷ, lợi nhuận sau thuế tăng 0,98 tỷ, các khoản phải nộp ngân sách tăng 1,074 tỷ), căn cứ biên bản này Công ty đã điều chỉnh số liệu vào phần mềm kế toán và sổ sách kế toán năm 2008. Tuy nhiên, do Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty do Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội phát hành vào ngày 6/3/3009 và Đại hội cổ đông cũng đã tiến hành vào trước ngày 30/9/2009 nên Công ty kiểm toán độc lập đã không điều chỉnh số liệu thay đổi theo Kiểm toán Nhà nước vào Báo cáo kiểm toán năm 2008 mà thực hiện điều chỉnh vào sổ phát sinh và sổ dư cuối năm trên Báo cáo kiểm toán năm 2009 của Công ty cổ phần Coma 18. Việc điều chỉnh này làm ảnh hưởng cục bộ tới lợi ích cổ đông về mặt số liệu kiểm toán liên quan đến niên độ kế toán năm 2008 và năm 2009. Trên cơ sở số liệu có tính lũy kế, chúng tôi đánh giá nội dung trên không ảnh hưởng tới quyền, lợi ích cổ đông cho năm tài chính 2009 và đến thời điểm hiện tại. Kể từ cuối năm 2009 số liệu trên Báo cáo tài chính và số liệu trên Báo cáo kiểm toán đã phù hợp và thống nhất với nhau.

1 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 và Báo cáo tài chính cả năm 2010 của Công ty Cổ phần COMA 18 đã được kiểm toán bởi chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ. Một số chỉ tiêu đã được phân loại phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hà Thị Thúy Lan

Nguyễn Thanh Liêm

Lê Huy Lân